TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2017/HSST
Ngày 08 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Ông Trịnh Văn Nhất

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Nguyễn Xuân Dần - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2017/HSST ngày 11/8/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Hồng T, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà A, đường X, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Đình T, sinh năm 1956 và bà Đỗ Thị S, sinh năm 1959; có vợ:Trương Hồng L, sinh năm 1992 và 01con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:Tại bản án số 175/2006/HSST ngày 27/11/2006, Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội trộm cắp tài sản, Bản án số 244/2013/HSST ngày 26/9/2013, Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 18 tháng tù giam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã chấp hành xong bản án (ra trại ngày 02/10/2014); bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người bị hại: Anh Trần Đình H, sinh năm 1960, địa chỉ: Số Z, đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

1. Anh Đỗ Xuân S, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Đỗ Văn Y, sinh năm 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà Q, đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số S, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Đỗ Thị L, sinh 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, đường K, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Đặng Hồng T bị VKSND thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/6/2017, Đặng Hồng T sinh năm 1988 trú tại Số nhà A, đường X, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đi bộ một mình vào quán game bắn cá của Khách sạn Rùa Vàng trên đường Thanh Niên, thuộc tổ dân phố Tiền Giang, phường L, thành phố B. T xem mọi người chơi bắn cá khoảng 20 phút thì đi ra cửa quán. Tại đây, T nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, màu S nâu, biển kiểm soát 99F3- 3781 của anh Trần Đình H sinh năm 1960 trú tại số 73, ngõ 134 đường L, phường L, thành phố B(là bảo vệ khách sạn) đang dựng ở bên phải cửa quán. Thấy chiếc xe không có người trông giữ nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp. T đi đến bên trái chiếc xe, nắm hai tay vào ghi đông, lắc đầu xe thì thấy xe không có khoá cổ, khoá càng. T dắt lùi chiếc xe xuống lòng đường và dắt bộ đi về hướng bờ đê C được khoảng 15m thì T ngồi lên yên xe và dùng chân trái đẩy xe đi tiếp khoảng 30m đến ngã ba trước cửa nhà hàng Rùa Vàng thì gặp anh Đỗ Xuân S sinh năm 1993 ở thôn Trước, xã T, thành phố B đang đi bộ ngược chiều. T hỏi và mượn anh S một chiếc kéo (loại cắt giấy thủ công) dài 15cm, có chuôi nhựa màu tím để mở ổ khoá xe. Sau khi mở được ổ khoá, đạp nổ máy, T trả anh S chiếc kéo và chở anh S đến quán game "Thế giới trò chơi" ở đường K, phường H, thành phố B còn T điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đi về nhà.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10/6/2017, T điều khiển chiếc xe 99F3-3781 đi chơi đến đoạn đường bờ đê C, phường L, thành phố B thì gặp anh Đỗ Văn Y sinh năm 1991 trú tại số Q, đường C, phường L, thành phố B. T chở Y đến quán game "Thế giới trò chơi" ở số 266 đường M, phường H, thành phố B thì gặp anh Đỗ Văn S sinh năm 1988 ở thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và anh Nguyễn Minh Đ sinh năm 1984 ở số S, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Bốn người chơi game khoảng 20 phút thì Y đi công việc cá nhân, còn lại ba người là T, S, Đ chơi tiếp khoảng 30 phút thì hết tiền ra về. Khi ra đến cửa quán game, T nói với Đ là xem có chỗ nào cắm xe lấy tiền chơi game tiếp, Đ hỏi T là xe của ai thì T bảo là xe của em, Đ đồng ý. T chở S và Đ

đến đoạn đường đối diện Khách sạn Kim L ở số 2 đường M, phường N, thành phố B thì đỗ xe lại và đưa xe cho Đ mang đi găm cắm. Một mình Đ đi xe vào khách sạn Kim L gặp và đặt chiếc xe này cho chị Đỗ Thị L là chủ khách sạn để làm tin và vay số tiền 4.000.000 đồng. Do trước đó Đ còn nợ chị L 1.000.000 đồng nên bị trừ luôn số tiền nợ đó và chị L đưa cho Đ 3.000.000 đồng. Sau đó T, S và Đ cùng chơi game bắn cá ở ki ốt C-13 chợ Trần Luận, phường N, thành phố B hết số tiền 3.000.000 đồng rồi tất cả đi về.

Sau khi bị mất tài sản, anh Trần Đình H đã trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã xác định hiện trường vụ án, thu giữ hình ảnh tại camera giám sát của khách sạn Rùa Vàng trong đó có đoạn hình ảnh Đặng Hồng T thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe 99F3-3781.

Đến 16 giờ 30 phút ngày 11/6/2017, T đến Công an thành phố B đầu thú. Ngày 16/6/2017, Cơ quan điều tra thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả, Đặng Hồng T đã thực hiện lại hành vi trộm cắp tài sản như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Ngày 11/6/2017, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bà Đỗ Thị L 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99F3-3781 nhãn hiệu ORIENTAL mầu S nâu đã qua sử dụng. Ngày 04/7/2017, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Đỗ Xuân S 01 chiếc kéo thủ công dài 15cm, đầu kéo tù, có chuôi bằng nhựa mầu tím.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐG ngày 12/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bkết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, màu S nâu, BKS: 99F3-3781, số máy: 150FMG00221088, số khung: 37Y1087088, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 3.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 120/KSĐT ngày 11/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Btruy tố bị cáo Đặng Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận: Đêm ngày 10/6/2017 tại Khách sạn Rùa Vàng trên đường Thanh Niên, thuộc tổ dân phố Tiền Giang, phường L, thành phố Bbị cáo có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, màu S nâu, biển kiểm soát 99F3- 3781 của anh Trần Đình H sau đó nhờ Đ mang đi cắm được số tiền 3000.000đồng, bị cáo đã sử dụng chơi điện tử hết. Bị cáo nói với S, Y, S, Đ là xe của bị cáo, không nói xe do trộm cắp mà có. Nay bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Btruy tố bị cáo về tội " Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan nên nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là anh Trần Đình H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Đêm ngày 10/6/2017, anh Hiệp bị kẻ gian trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL màu S nâu, biển kiểm soát 99F3 -3781 tại khách sạn Rùa Vàng thuộc phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ngày 20/6/2017, anh Hiệp đã được cơ quan điều tra trao trả chiếc xe này, nay không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là anh Đỗ Xuân S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 1h ngày 10/6/2017 trên đường đi chơi về nhà đến đoạn khách sạn Rùa Vàng thì gặp bị cáo T đang dắt bộ 1 chiếc xe mô tô màu S nâu, biển kiểm soát 99F3 -3781 nhãn hiệu ORIENTAL đã cũ. Anh S cho bị cáo T mượn chiếc kéo có đặc điểm loại kéo thủ công dài 15cm, có 1 đầu tù chuôi kéo bằng nhựa màu tím. Bị cáo T đã dùng chiếc kép này để mở khóa xe máy. Sau khi mở được khóa điện xe máy bị cáo T đã trả cho anh S chiếc kéovà chở anh S đến quán điện tử ở phường N, anh S có hỏi bị cáo nguồn gốc chiếc xe thì bị cáo nói là xe của bị cáo. Ngày 04/7/2017, anh S đã giao nộp chiếc kéo cho cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra, nay anh S không yêu cầu gì về chiếc kéo này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là anh Đỗ Văn Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 21h ngày 10/6/2017, bị cáo T chở anh Y đi chơi điện tử tại quán Thế giới trò chơi ở số 266 đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang bằng xe máy (có kiểu dáng giống xe Drearm, anh Y không nhớ biển số xe, nhãn hiệu xe) của bị cáo T. Anh Y có hỏi bị cáo T về nguồn gốc chiếc xe nhưng bị cáo không trả lời nên anh Y không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là anh Đỗ Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 10h ngày 10/6/2017 bị cáo T rủ anh S về nhà bị cáo T để lấy xe đi chơi. Tại nhà bị cáo T, anh S thấy bị cáo dắt ra một chiếc xe máy đã cũ, biển số đầu 99 và nói là xe của bị cáo mới mua. Sau đó bị cáo T đèo anh S đến quán bắn cá ở khu vực đường G, thành phố B để chơi. Khoảng 21h ngày 10/6/2017 anh S và anh Đ chơi điện tử tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bthì gặp bị cáo T đi một chiếc xe máy màu nâu đến quán. Sau đó bị cáo T nhờ Đ mang chiếc xe đi cắm để lấy tiền chơi bắn cá. Bị cáo T, anh Đ và anh S cùng đi bằng chiếc xe nói trên đến khách sạn Kim L. Khi đến nơi bị cáo T và anh S đứng ở ngoài, Đ mang xe vào cắm được số tiền 3000.000đồng. Số tiền này cả ba đã sử dụng vào trò chơi bắn cá thua hết. Anh S có hỏi bị cáo T nguồn gốc chiếc xe thì bị cáo nói là xe của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là anh Nguyễn Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 10/6/2017, bị cáo T nhờ anh Đ tìm chỗ cắm chiếc xe máy mầu nâu mang biển số 99 cho bị cáo T. Anh Đ đồng ý và mang chiếc xe máy của bị cáo T đi đặt vay tiền của chị Đỗ Thị L là chủ khách sạn Kim L. Khi đặt xe vay tiền của chị L, anh Đ nói là xe của Đ, giấy tờ xe vợ Đ cầm. Do trước đó anh Đ còn nợ chị L 1000.000đồng nên chị L đưa cho anh Đ 3000.000đồng. Số tiền này anh Đ đã đưa hết cho bị cáo T và sau đó bị cáo T, Đ, S đã cùng chơi điện tử hết. Do số tiền 3000.000đồng anh Đ trực tiếp gặp vay chị L và để lại xe máy của bị cáo T lại nên anh Đ sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền 3000.000đồng cho chị L. Anh Đ không yêu cầu bị cáo T, anh S phải hoàn trả số tiền này. Khi đem xe đi đặt để vay tiền hộ, anh Đ có hỏi nguồn gốc chiếc xe thì bị cáo T nói là của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là chị Đỗ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 210/6/2017 chị L cho anh Đ vay số tiền 3000.000đồng, anh Đ để lại chiếc xe máy màu S nâu, biển kiểm soát 99F3 -3781 làm tin. Chị L không biết nguồn gốc chiếc xe Đ để lại làm tin để vay tiền là xe trộm cắp vì khi để lại xe Đ nói là xe của Đ. Khi biết chiếc xe trên là tang vật trong vụ án chị L đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an. Nay chị L yêu cầu Đ phải hoàn trả số tiền 3000.000đồng, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải trả tiền và cũng không có yêu cầu nào khác.

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Hồng T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS để xử phạt: Đặng Hồng T từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/6/2017

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76, Điều 99 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo tay cầm bằng nhựa màu tím, phần lưỡi kéo bằng kim loại đã qua sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, biên bản thu giữ dữ liệu điện tử và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 05 phút ngày 10/6/2017, tại cửa quán game bắn cá ở khách sạn Rùa Vàng, trên đường Thanh Niên, thuộc tổ dân phố Tiền Giang, phường L, thành phố B, lợi dung sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Đặng Hồng T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, màu S nâu biển kiểm soát 99F3-3781 xe cũ đã qua sử dụng có giá trị 3.000.000 đồng của anh Trần Đình H. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 120/KSĐT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Btruy tố bị cáo về tội danh, điều khoản trên là có căn cứ.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác

được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại mang đi cầm cắm lấy tiền ăn tiêu. Do vậy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 244/2013/HSST ngày 26/9/2013, bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Bxử phạt 18 tháng tù giam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong bản án số 244/2013/HSST (chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2014, nộp xong phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng ngày 19/01/2015). Tại điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về thời hạn đương nhiên được xóa án tích là "Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm". Tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thời hạn đương nhiên được xóa án tích là "02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm". Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì các quy định có lợi cho người phạm tội được xem xét, áp dụng khi xét xử. Như vậy, từ khi chấp hành xong hình phạt chính (phạt tù) ngày 02/10/2014, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án số 244/2013/HSST ngày 26/9/2013 và không phạm tội mới trong thời hạn 02 năm nên bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Do vậy, xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ,bị cáo có T độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử nhưng vẫn không chịu cải sửa, tu dưỡng rèn luyện nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, coi thường pháp luật.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên thấy để đảm bảo tính giáo dục nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung cần áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo.

Đối với anh Đỗ Xuân S là người cho bị cáo mượn kéo để mở khoá xe; anh Đỗ Văn Y là người được bị cáo chở đi chơi game bằng xe mô tô do bị cáo trộm cắp của anh Hiệp; anh Đỗ Văn S, anh Nguyễn Minh Đ là người cùng đi găm cắm xe cho bị cáo và chị Đỗ Thị L là người nhận cầm chiếc xe do bị cáo trộm cắp được mà có nhưng đều không biết về nguồn gốc chiếc xe mô tô của bị cáo nên không vi phạm pháp luật.

Vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, màu S nâu, biển kiểm soát 99F3-3781 đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Đình H. Đến nay, anh Hiệp không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc kéo tay cầm bằng nhựa màu tím, phần lưỡi kéo bằng kim loại là của anh S cho bị cáo mượn làm công cụ phương tiện phạm tội, nay anh S không yêu cầu gì nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về yêu cầu của chị Đỗ Thị L yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ phải trả số tiền 3.000.000 đồng thì thấy: Số tiền 3000.000đồng có được là do anh Đ trực tiếp mang xe đi đặt cho chị L để vay tiền. Chị L chỉ yêu cầu Đ trả số tiền này, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải trả. Anh Đ đồng ý hoàn trả lại toàn bộ số tiền 3000.000đồng cho chị L và không yêu cầu bị cáo T, anh S phải trả số tiền này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L và anh Đ nên cần chấp nhận. Nếu sau này anh Đ có yêu cầu bị cáo T, anh S phải trả số tiền này thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác

Về án phí: Bị cáo phải chịu án **phí hình sự sơ thẩm theo** quy định pháp luật**. Anh** Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Hồng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Đặng Hồng T 09 tháng tù,thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/6/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc anh Nguyễn Minh Đ phải trả lại cho chị Đỗ Thị L số tiền 3000.000đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo tay cầm bằng nhựa màu tím, phần lưỡi kéo bằng kim loại đã qua sử dụng.

Áp dụng Điều 99, 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống Đ bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc giang.
- VKSND Tp B.
- Công an Tp B.
- CCTHADS Tp B.
- Bị cáo.
- Lưu Hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện